

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 614 /QĐ-ĐHSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo
trình độ đại học (chu kỳ 2024 – 2028) được điều chỉnh, cập nhật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-TTg ngày 25/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin Truyền thông về việc quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2804/QĐ-ĐHSG ngày 07/10/2025 của Trường Đại học Sài Gòn về việc thành lập Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục, năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học chu kỳ 2024 – 2028 đã được điều chỉnh, cập nhật, bao gồm:

- 43 chương trình đào tạo đào tạo trình độ đại học;
- 04 chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 thuộc chu kỳ đào tạo 2024 – 2028.

Điều 3. Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chuẩn đầu ra ban hành kèm theo Quyết định này và thi hành các nội dung của Quyết định. *Phạm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VP, KTĐBCLGD, TH.(05).

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Phạm Hoàng Quân



Phụ lục 1

**Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (tiếng Anh) và Tin học
các chương trình đào tạo trình độ đại học (chu kỳ 2024 – 2028)**

(Kèm theo Quyết định số 6.14 /QĐ-ĐHSG ngày 03/3/2026

của Trường Đại học Sài Gòn)

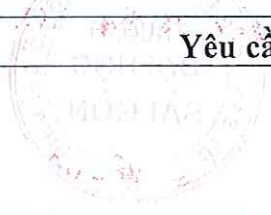
Trường Đại học Sài Gòn quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học như sau:

1. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ - Tiếng Anh (không áp dụng cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh), sinh viên có một trong các chứng chỉ sau:

STT	Chứng chỉ	Cấp độ/ điểm tối thiểu cần đạt được	Ghi chú
1	Chứng chỉ VSTEP	Bậc 3	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
2	Chứng chỉ Linguaskill	B1	
3	TOEIC (4 kỹ năng)	550 (Nghe & Đọc)/ 120 (Nói)/ 120 (Viết)	
4	Chứng chỉ TOEFL ITP	450 – 499	
	Chứng chỉ TOEFL iBT	30 – 45	Trước ngày 21/6/2026
		3.0 – 3.5	Sau ngày 21/6/2026
5	Chứng chỉ IELTS	4.0	
6	Chứng chỉ PET (B1 Preliminary English Test)	Pass	
7	Chứng chỉ Aptis ESOL	B1	Áp dụng chứng chỉ Tiếng Anh Aptis ESOL được cấp kể từ ngày 31/3/2023. Đối với chứng chỉ Tiếng Anh Aptis được cấp trước ngày 31/3/2023, chấp nhận chứng chỉ Tiếng Anh Aptis General và Aptis Advanced với cấp độ tối thiểu cần đạt được như bên.
8	Chứng chỉ PTE Academic	43 – 58	
9	Chứng chỉ PEIC	Level 2	
10	Chứng chỉ VEPT	43 – 66	

[Signature]

2. Chuẩn đầu ra Tin học (không áp dụng cho sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Trí tuệ nhân tạo), sinh viên có một trong các chứng chỉ sau:

STT	Chứng chỉ	Yêu cầu
1	Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông)	
2	IC3	GS5 hoặc GS6 (tối thiểu cấp độ level 1)
3	ICDL	Bao gồm 5 module cơ bản: Computer Essentials, Online Essentials, Documents, Spreadsheets, Presentation
4	MOS	Bao gồm 3 module: Word, Excel, Powerpoint

* Lưu ý: Đối với các ngành Sư phạm, sinh viên phải có thêm Chứng nhận Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học do Trường Đại học Sài Gòn cấp. Trường hợp sinh viên đã tốt nghiệp cử nhân ngành Sư phạm Tin học thì được sử dụng văn bằng này để thay thế Chứng nhận nêu trên. /.





Phụ lục 2

**Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ cho chương trình đào tạo
ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh trình độ đại học (chu kỳ 2024 – 2028)**
(Kèm theo Quyết định số 614 /QĐ-ĐHSG ngày 03/3/2026
của Trường Đại học Sài Gòn)

Trường Đại học Sài Gòn quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ cho ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh như sau:

1. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (tiếng Anh) cho các ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh, trình độ đại học:

Sinh viên có một trong các chứng chỉ sau:

STT	Chứng chỉ	Cấp độ/ điểm tối thiểu cần đạt được	Ghi chú
1	Chứng chỉ VSTEP	Bậc 5	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
2	Chứng chỉ Linguaskill	C1	
3	TOEIC (4 kỹ năng)	850 (Nghe & Đọc)/ 170 (Nói)/ 165 (Viết)	
4	Chứng chỉ TOEFL ITP	627 – 677	
	Chứng chỉ TOEFL iBT	95 – 113	Trước ngày 21/6/2026
		5.0 – 5.5	Sau ngày 21/6/2026
5	Chứng chỉ IELTS	7.0	
6	Chứng chỉ Aptis ESOL General	C/C1	Áp dụng chứng chỉ Tiếng Anh Aptis ESOL được cấp kể từ ngày 31/3/2023. Đối với chứng chỉ Tiếng Anh Aptis được cấp trước ngày 31/3/2023, chấp nhận chứng chỉ Tiếng Anh Aptis General và Aptis Advanced với cấp độ tối thiểu cần đạt được như bên.
	Chứng chỉ Aptis ESOL Advanced	C	
7	Chứng chỉ FCE	Grade A	
8	Chứng chỉ CAE	Grade B hoặc C	
9	Chứng chỉ PTE Academic	76 – 84	
10	Chứng chỉ PEIC	Level 4	

ml

2. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ thứ hai (ngoài Tiếng Anh) cho các ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh, trình độ đại học:

Sinh viên có một trong các chứng chỉ sau:

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Cấp độ/ điểm tối thiểu cần đạt được
1	Tiếng Pháp	CIEF/Alliance Francaise Diplomas	TCF (300 – 399) hoặc Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
2	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
3	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
4	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
5	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1
6	Tiếng Hàn	TOPIK II	Level 3
7	Tiếng Tây Ban Nha	Diploma de Español como Lengua Extranjera (DELE)	B1
8	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ Bậc 3 trở lên

ml

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số 614 /QĐ-ĐHSG ngày 03/3/2026,
của Trường Đại học Sài Gòn)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên ngành đào tạo

Tiếng Việt: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Tiếng Anh: FINANCE – BANKING

2. Mã ngành: 7340201

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Bằng tốt nghiệp: Cử nhân

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên trở thành nguồn nhân lực chất lượng trong ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng yêu cầu phát triển về kinh tế - xã hội của đất nước, gắn với năng lực số, kỹ năng đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng học tập số.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kiến thức lý thuyết toàn diện và chuyên sâu, có kiến thức thực tế vững chắc về ngành Tài chính – Ngân hàng; có các kỹ năng cần thiết và phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng; có khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong nước và quốc tế; có năng lực tự học tập, nghiên cứu, cập nhật và bổ sung kiến thức để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm trong ngành Tài chính- Ngân hàng.

2. Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tài chính – Ngân hàng sẽ trang bị cho người học các mục tiêu cụ thể (viết tắt là **POs**) như sau:

PO 1: Hình thành nền tảng cơ bản về kiến thức liên quan chính trị xã hội, kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, gắn với công nghệ số và đổi mới sáng tạo.

PO 2: Có kiến thức lý thuyết toàn diện và chuyên sâu, có kiến thức chuyên môn



trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ tại các tổ chức và công việc cá nhân.

PO 3: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số và ứng dụng các nền tảng số, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, biết tổ chức, lập kế hoạch và làm việc nhóm.

PO 4: Sử dụng được các kỹ năng thực hành chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực làm việc và phát triển chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại các tổ chức trong và ngoài nước.

PO 5: Có năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm, có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, có phẩm chất chính trị, sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội và những tiến bộ trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn về Ngoại ngữ (tiếng Anh) và Tin học theo quy định tại Phụ lục Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ (tiếng Anh) và Tin học cho các ngành đào tạo (đính kèm Quyết định), người học sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng phải đạt được các yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, gắn với năng lực số và kỹ năng đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng học tập số, được cụ thể hóa thành các chuẩn đầu ra cấp CTĐT (viết tắt là **PLOs**) và các chỉ số đo lường (viết tắt là **PIs**).

A. KIẾN THỨC

1. Kiến thức chung

PLO 1: Giải thích và vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực Kinh tế, Kinh doanh và quản lý trong bối cảnh kinh tế số.

PI 1.1: Mô tả được các hiện tượng, vấn đề phát sinh trong lĩnh vực Kinh tế, Kinh doanh và quản lý.

PI 1.2: Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, trong đó chú trọng các kiến thức về toán, thống kê vào việc giải quyết các bài toán cơ bản trong lĩnh vực Kinh tế, Kinh doanh và quản lý.

PI 1.3: Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, pháp luật và lý luận

chính trị vào việc phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực Kinh tế, Kinh doanh và quản lý, trong nền kinh tế số.

2. Kiến thức nghề nghiệp

PLO 2: Vận dụng một cách có hệ thống kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý điều hành và giám sát hoạt động Tài chính – Ngân hàng gắn với yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

PI 2.1: Sử dụng có hệ thống các kiến thức lập kế hoạch tài chính trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

PI 2.2: Vận dụng có hệ thống các kiến thức về tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, bao gồm cả mô hình ngân hàng số và các định chế tài chính mới.

PI 2.3: Áp dụng có hệ thống các kiến thức về giám sát và quản trị rủi ro trong các hoạt động Tài chính – Ngân hàng.

PLO 3: Vận dụng một cách có hệ thống các kiến thức thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng để nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, khuyến nghị trong hoạt động Tài chính - Ngân hàng.

PI 3.1: Xác định được các vấn đề và mục tiêu nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

PI 3.2: Lựa chọn và sử dụng phù hợp các phương pháp nghiên cứu để triển khai hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

PI 3.3: Vận dụng các kiến thức chuyên môn để phân tích và giải thích được các thông tin một cách chính xác từ đó đề xuất các giải pháp, khuyến nghị phù hợp trong hoạt động Tài chính – Ngân hàng.

B. KỸ NĂNG

1. Kỹ năng chung

PLO 4: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tương tác hiệu quả với các bên liên quan trong hoạt động nghề nghiệp, bao gồm cả môi trường trực tiếp và trên các nền tảng số.

PI 4.1: Sử dụng kỹ năng giao tiếp và tương tác hiệu quả với các bên liên quan bằng hình thức trực tiếp và qua các nền tảng số.

PI 4.2: Thực hiện tốt kỹ năng thuyết trình trong hoạt động nghề nghiệp.

PI 4.3: Tham gia và đóng góp hiệu quả trong các hoạt động làm việc nhóm, bao gồm cả nhóm làm việc trực tuyến trên các nền tảng số.

PLO 5: Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số và các công cụ phân tích để xử lý các nhiệm vụ trong công việc.

PI 5.1: Sử dụng Tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương vào hoạt động nghề nghiệp.

PI 5.2: Ứng dụng kỹ năng công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghệ số và các công cụ phân tích để hỗ trợ xử lý các nhiệm vụ trong công việc.

2. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO 6: Kỹ năng tổng hợp, tính toán, phân tích dữ liệu để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

PI 6.1: Sử dụng kỹ năng tính toán, xử lý dữ liệu để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

PI 6.2: Thực hiện kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

PLO 7: Kỹ năng phản biện, nhận xét về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PI 7.1: Phát triển kỹ năng phản biện đối với các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

PI 7.2: Vận dụng kỹ năng nhận xét về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PLO 8: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá chất lượng công việc chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PI 8.1: Xây dựng được kế hoạch công việc chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PI 8.2: Tổ chức thực hiện được các công việc chuyên môn về tài chính, ngân hàng trong các hệ thống tổ chức và xã hội.

PI 8.3: Thiết kế được các hình thức kiểm tra đánh giá chất lượng công việc chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

C. MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

PLO 9: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm, tư duy phản biện, giải trình, hợp tác trong công việc với cộng sự, ý thức chịu trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, chủ động thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội và những tiến bộ trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PI 9.1: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong từng điều kiện công việc cụ thể, và

có khả năng phản biện, giải trình được các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng từ đó đề xuất các ý tưởng, định hướng về chuyên môn.

PI 9.2: Nhận thức được và sẵn sàng chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với tập thể và cộng đồng xã hội.

PI 9.3: Thích ứng được với sự thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội và những tiến bộ trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PLO 10: Có phẩm chất chính trị, sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật lao động, chấp hành các quy định của pháp luật, có động lực học tập và nghiên cứu đặc biệt là tận dụng nền tảng học tập số để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới.

PI 10.1: Thể hiện phẩm chất chính trị vững vàng, phù hợp với đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước.

PI 10.2: Thể hiện sự tôn trọng quy định và văn hóa của tổ chức, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và chấp hành quy định của pháp luật trong công việc và cuộc sống.

PI 10.3: Có động lực học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt là tận dụng nền tảng học tập số để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới.

IV. SỰ TƯƠNG QUAN NHẤT QUÁN GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

POs	PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x									
2		x	x							
3				x	x					
4						x	x	x		
5									x	x

POs: Mục tiêu cụ thể của CTĐT, PLOs: CDR cấp CTĐT

V. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng bậc đại học trang bị cho sinh viên đủ kiến thức, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động ngành Tài chính – Ngân hàng. Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có năng lực làm việc tại:

- Các ngân hàng thương mại: giao dịch viên, chuyên viên thẩm định tín dụng, chuyên viên quan hệ khách hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, quản lý nguồn vốn, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và những vị trí công việc có liên quan khác.
- Các tổ chức tín dụng phi ngân hàng: nhân viên kinh doanh, tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán, thẩm định giá và những vị trí công việc có liên quan khác.

- Các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ, thương mại: các vị trí thuộc khối quản trị tài chính, phân tích và hoạch định tài chính, kế toán, kiểm toán.
- Các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, cơ quan thuế, hải quan.
- Các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu: chuyên viên, nghiên cứu viên.

VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng bậc đại học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có đủ năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp; và có đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn về Tài chính – Ngân hàng tại các Trường, Viện trong và ngoài nước; đủ trình độ để học bằng đại học thứ hai của các chuyên ngành liên quan; có đủ khả năng tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực tài Tài chính - Ngân hàng, và một số ngành gần trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra, người học có thể tiếp tục học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp do các hiệp hội nghề nghiệp trong và ngoài nước cấp như chứng chỉ CPA, chứng chỉ CFA và một số chứng chỉ khác.

VII. CÁC CHUẨN ĐẦU RA ĐÃ THAM KHẢO

Các chương trình, tài liệu nước ngoài:

- Chương trình đào tạo Đại Học Adelaide- Úc ngành Finance and Banking
- Chương trình đào tạo Đại Học Bristol- Anh Quốc- ngành Accounting and Finance
- Chương trình đào tạo Đại Học Edinburgh- Mỹ- ngành Accounting and Finance

Các chương trình, tài liệu trong nước:

- Các CTĐT đại học ngành Tài chính và ngành Ngân hàng của Trường Đại học Ngân Hàng TP.HCM; Đại học UEH; Trường Đại học Kinh tế Luật; Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Nguyễn Anh Hiền

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân